

Bản án số: 170/2024/HS-ST
Ngày 18-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải;

Bà Bùi Thị Hương.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Trần Thị Hương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 176/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2024/QĐXXST- HS ngày 04 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Trần Ngọc T, sinh ngày 28 tháng 3 năm 1974 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Số D Đ, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị T1 (đều đã chết); có vợ là Trần Thị Thu L, sinh năm 1974 (đã ly hôn) và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không; áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04/06/2024; có mặt.

- **Bị hại:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1977. Nơi ĐKKHKT: Số I A, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: ngõ B A, phường H, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Anh Lê Khánh N, sinh năm 1976. Địa chỉ: Số A Hồ N, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 17/4/2024, [Trần Ngọc T](#) và anh [Nguyễn Văn Q](#), sinh năm 1977, địa chỉ [ngõ B A, H, Hồ N, Hải Phòng](#)) cùng bạn là [Lê Khánh N](#), sinh năm 1976, địa chỉ [số A Hồ N, Sở Dầu, Hải Phòng](#) cùng ngồi uống bia tại [quán B số 77 đường H, Sở Dầu, Hồ N, Hải Phòng](#). Trong lúc nói chuyện, anh [Q](#) có kể chuyện anh [Q](#) đang mua xe mô tô của bạn cũng tên [N](#) với số tiền 2.000.000 đồng, thì [T](#) nói với anh [Q](#) “Mày để lại cho tao, tao trả 2.500.000 đồng”. Từ đó, giữa anh [Q](#) và [T](#) lời qua tiếng lại dẫn đến cãi nhau. Trong lúc cãi nhau, [T](#) cầm đĩa chỉ trở về phía anh [Q](#), anh [Q](#) cầm chìa khóa xe mô tô chọc về phía [T](#). Sau đó, cả hai đứng dậy cãi, chửi nhau và được mọi người can ngăn đẩy cả hai ra. Lúc này, anh [Q](#) đang ngồi bên phải của [T](#), [T](#) dùng tay phải lấy 01 cốc uống bia thủy tinh trên bàn (bên trong cốc không còn bia) đập 01 phát theo chiều ngang từ trái qua phải vào đầu anh [Q](#) khiến đầu anh [Q](#) chảy máu, mọi người đưa anh [Q](#) đi cấp cứu tại [bệnh viện V](#).

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 354/2024/KLTTCT-TTPYHP ngày 10/5/2024 của [Trung tâm P](#) kết luận thương tích của anh [Nguyễn Văn Q](#): “Căn cứ Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/08/2019 của Bộ trưởng [Bộ Y](#) quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của [Nguyễn Văn Q](#) tại thời điểm giám định là: 18% (Mười tám phần trăm), áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư, trong đó: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do chấn động não gây nên là 02% (Hai phần trăm); Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo 04 vết thương vùng trán gây nên là: 03% (Ba phần trăm); 03% (Ba phần trăm); 03% (Ba phần trăm); 03% (Ba phần trăm); Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do sẹo 03 vết thương vùng trán đỉnh gây nên là: 02% (Hai phần trăm); 01 (Một phần trăm); 01 (Một phần trăm); Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do dị vật dưới da vùng trán gây nên là: 02 % (Hai phần trăm). Các thương tích trên có đặc điểm do vật có góc cạnh sắc hoặc tương đối sắc tác động trực tiếp gây nên và phù hợp với thời gian bị thương vào tối ngày 17/04/2024”.

Tại bản Kết luận giám định số 122/KLTTCT-PYQG ngày 29/7/2024 của [V1](#) đối với thương tích của anh [Nguyễn Văn Q](#): “03 sẹo vùng trán đỉnh kích thước nhỏ; 03 sẹo vùng trán kích thước nhỏ; Dị vật phần mềm vùng trán đỉnh phải; Chấn động não đã ổn định. Căn cứ vào Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của [Bộ Y](#) quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định Pháp y, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của [Nguyễn Văn Q](#) tại thời điểm giám định là: 14%, theo phương pháp cộng tại Thông tư. Cơ chế hình thành thương tích: Do vật có cạnh sắc tác động trực tiếp gây ra, các thương tích do chấn thương ngày 17/04/2024 gây ra”.

Tại Công văn số 176/2024/GĐTH-TTPY ngày 29/10/2024, [Trung tâm P](#) trả lời: “Đối với 04 vết thương rách xước da để lại sẹo ở vùng trán của [Nguyễn Văn Q](#) (vết có kích thước nhỏ nhất là 0,6cm x 0,1cm) là các vết thương rách xước da không quá sâu nhưng đã sâu hết lớp da. Vì vậy khi [Trung tâm P1](#) giám định vào ngày 10/5/2024 (sau bị thương 23 ngày) thì các vết thương để lại sẹo rất rõ và có màu xẫm hơn màu da xung quanh nên rất dễ nhận biết (có ảnh chụp giám định). Theo thời gian thì các vết thương sẽ phục hồi dần, sắc tố da mờ dần và màu của vết sẹo nhỏ có thể gần giống với màu da xung quanh nên đôi khi khó phát hiện, nhưng vẫn còn dấu vết để lại (trừ các vết thương để lại sẹo lồi)”.

Vật chứng của vụ án: Đối với chiếc cốc thủy tinh mà bị cáo gây thương tích cho bị hại đã bị vỡ nên không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường bị hại 20.000.000 đồng. Bị hại không có yêu cầu, đề nghị gì thêm về vấn đề bồi thường dân sự và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số 146/CT-VKS ngày 25/11/2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Hải Phòng đã truy tố bị cáo Trần Ngọc Tám phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung nêu trên. Bị hại, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt. Tuy nhiên, bị hại đã có quan điểm không có đề nghị gì khác và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; người làm chứng đã có lời khai trong quá trình điều tra; được công bố công khai tại phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt [Trần Ngọc T](#) với mức án từ 30 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội "Cố ý gây thương tích". Bị hại đã nhận tiền bồi thường, không yêu cầu gì khác nên không xét về trách nhiệm dân sự. Bị cáo phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về tài liệu, chứng cứ Cơ quan cảnh sát điều tra, [Công an quận H](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo cung cấp đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra [Công an quận H](#), Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

[3] Tại phiên tòa, bị hại và người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, những người tham gia tố tụng nêu trên đã được Tòa án triệu tập hợp lệ; tại phiên tòa, bị cáo, Kiểm sát viên đều đề nghị xét xử vắng mặt họ vì trước đó họ đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, căn cứ vào Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

- Về tội danh, định khung hình phạt:

[4] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa thống nhất và phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và lời khai của người làm chứng; phù hợp với kết luận giám định thương tích và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, khẳng định: Khoảng 20 giờ ngày 17/4/2024, tại [quán B số G đường H, phường S, quận H, thành phố Hải Phòng](#), giữa bị cáo [Trần Ngọc T](#) và bị hại [Nguyễn Văn Q](#) có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến xô sát đánh nhau. Bị cáo [T](#) dùng tay phải cầm 01 cốc bia bằng thủy tinh đập 01 nhát vào đầu anh [Nguyễn Văn Q](#) làm anh [Q](#) bị thương, gây tổn hại 18% sức khỏe (theo bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 354/2024/KLTTCT-TTPYHP ngày 10/5/2024 của [Trung tâm P](#), là thương tích ban đầu của bị hại khi các vết sẹo vẫn còn rõ). Như vậy, hành vi của bị cáo [Trần Ngọc T](#) đủ yếu tố cấu thành phạm tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại Điều 134 của Bộ luật Hình sự.

[5] Bị cáo [Trần Ngọc T](#) đã sử dụng cốc thủy tinh đập vào đầu bị hại [Nguyễn Văn Q](#) gây thương tích. Theo kết luận giám định, tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh [Nguyễn Văn Q](#) giảm 18% sức khỏe. Do đó, bị cáo [Trần Ngọc T](#) phải chịu tình tiết định khung "*dùng hung khí nguy hiểm*" theo quy định tại điểm d khoản 2

Điều 134 Bộ luật Hình sự như Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[6] Hành vi của bị cáo đã xâm phạm sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội; việc đưa bị cáo ra xét xử là cần thiết để giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

- Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt:

[7] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; sau khi phạm tội, bị cáo đến cơ quan Công an đầu thú. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Bị cáo đã bồi thường thiệt hại gây ra cho bị hại và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo được quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[8] Trên cơ sở đánh giá toàn diện tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người phạm tội, mục đích của hình phạt và nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội. Xét bị cáo phạm tội nhất thời do bột phát, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên chỉ cần áp dụng mức hình phạt cải tạo ngoài xã hội theo Điều 65 của Bộ luật Hình sự cũng đủ tính răn đe bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác:

[9] Về trách nhiệm dân sự: Tại giai đoạn điều tra, bị cáo đã bồi thường bị hại 20.000.000 đồng; bị hại không yêu cầu, đề nghị gì khác và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét về trách nhiệm dân sự.

[10] Về xử lý vật chứng: Đối với cốc thủy tinh [Trần Ngọc T](#) dùng gây thương tích cho anh [Q](#) bị vỡ, không thu được nên Hội đồng xét xử không xét.

[11] Về biện pháp ngăn chặn: Cần hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo [Trần Ngọc T](#) theo quy định tại Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[12] Về án phí: Bị cáo [Trần Ngọc T](#) phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố bị cáo [Trần Ngọc T](#) phạm tội “Cố ý gây thương tích”

Xử phạt bị cáo [Trần Ngọc T](#) 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng. Giao bị cáo [Trần Ngọc T](#) cho [Ủy ban nhân dân phường S, quận H, thành phố Hải Phòng](#) giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Toà án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

“1. Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

2. Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

3. Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 của Luật này.

4. Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.”.

3. Căn cứ vào Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với bị cáo [Trần Ngọc T](#).

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo [Trần Ngọc T](#) phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. /.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan CSĐT Công an quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Cơ quan THA HS quận Hồng Bàng;
- PV06 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Yến